ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 214 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 *(sau đây gọi tắt là Đề án 06)*; UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt, bám sát các chủ trương, định hướng của Trung ương, Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và triển khai Đề án 06; kế thừa, phát huy kết quả đạt được giai đoạn 2022 - 2025, đồng thời khắc phục tồn tại, hạn chế, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển và ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả theo nguyên tắc "5-3-3-2-1"[1]; lấy hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nguồn lực số và bảo đảm an toàn, an ninh làm nền tảng; triển khai thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; hướng tới các giá trị cốt lõi là phục vụ Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phát huy vai trò đồng hành của Nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội; đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

3. Xác định dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử là dữ liệu nền tảng phục vụ chuyển đổi số; tài khoản định danh điện tử và ứng dụng VNeID là công cụ quan trọng để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Việc khai thác, ứng dụng dữ liệu dân cư phải phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, phát triển kinh tế cửa khẩu, logistics, thương mại điện tử xuyên biên giới, du lịch và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

4. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Mọi giải pháp, nền tảng, dịch vụ số phải thuận tiện, dễ sử dụng, an toàn, tiết kiệm thời gian, chi phí;

---

[1] 5 trụ cột trọng tâm: pháp lý, hạ tầng, dữ liệu, nguồn lực, an toàn - an ninh; triển khai ở 3 cấp chính quyền; hướng đến 3 giá trị cốt lõi: văn minh xã hội, phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm; 2 nhóm chủ thể đồng hành: nhà nước kiến tạo và khu vực tư nhân chủ động sáng tạo; 1 quyết tâm chính trị cao độ của người đứng đầu trong toàn hệ thống.

bảo đảm người dân, doanh nghiệp được tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, tiện ích số nhanh chóng, minh bạch, không phụ thuộc địa giới hành chính.

5. Tập trung phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu đồng bộ, liên thông, an toàn; ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số hiện đại như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh.

6. Khai thác, kết nối, sử dụng dữ liệu dân cư phải gắn với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước. Cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng dữ liệu phải đúng thẩm quyền, đúng mục đích, có trách nhiệm giải trình; mọi hành vi vi phạm phải được phát hiện, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

a) Thúc đẩy phát triển, ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử trên địa bàn tỉnh; phục vụ hiệu quả chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; góp phần thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về Đề án 06 và chuyển đổi số.

b) Đến năm 2030, hoàn thiện cơ bản các nền tảng, tiện ích cốt lõi của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh; bảo đảm người dân, doanh nghiệp được sử dụng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, giảm giấy tờ, giảm thời gian, giảm chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Hình thành hệ sinh thái dữ liệu dân cư của tỉnh bảo đảm kết nối, liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; dữ liệu được cập nhật, khai thác theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: Tập trung triển khai 06 nhóm mục tiêu cụ thể như sau: (1) Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành; (2) Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số; (3) Phục vụ phát triển công dân số; (4) Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu; (5) Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; (6) Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

(Chi tiết các chỉ tiêu và nội dung thực hiện tại Phụ lục I kèm theo).

b) Tầm nhìn đến năm 2035: Hướng tới xây dựng tỉnh Lạng Sơn phát triển đồng bộ, toàn diện trong tiến trình xây dựng quốc gia số; mọi giao dịch giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước cơ bản được thực hiện trên môi trường số. Các CSDL của tỉnh được kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả, lấy dữ liệu dân cư làm nền tảng, phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành

và ra quyết định trên CSDL số theo thời gian thực. Người dân được sử dụng các dịch vụ số thuận tiện, an toàn, được cá nhân hóa theo nhu cầu và từng giai đoạn của cuộc sống; dữ liệu và công nghệ số được ứng dụng sâu rộng trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, nông nghiệp, tư pháp, an sinh xã hội, thương mại, du lịch và bảo đảm quốc phòng, an ninh... Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao nhờ các tiện ích số. Văn hóa số, kỹ năng số từng bước trở thành phổ cập trong xã hội; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và xây dựng chính quyền số hiện đại.

2. Yêu cầu

a) Các cơ quan, đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia phối hợp phải tích cực, chủ động triển khai thực hiện Đề án theo đúng nội dung, tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

b) Việc triển khai Kế hoạch phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện.

c) Các nhiệm vụ triển khai phải gắn với cải cách TTHC, chuyển đổi số, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên triển khai các nhiệm vụ cấp bách, tạo chuyển biến rõ nét trong phục vụ người dân và doanh nghiệp.

d) Bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu an toàn, hiệu quả; tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

đ) Tăng cường huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong quá trình triển khai thực hiện; phát huy vai trò, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương với kết quả triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chất lượng dữ liệu và tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư

a) Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy định, hướng dẫn triển khai nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Đề án 06; tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy phát triển chính quyền số, công dân số, xã hội số, kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

b) Rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước theo quy định.

c) Chuẩn hóa, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh bảo đảm đồng bộ, liên thông, thống nhất.

2. Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

a) Tập trung rà soát, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở khai thác, tái sử dụng dữ liệu dân cư và dữ liệu dùng chung; thực hiện công bố, chia sẻ dữ liệu có trong các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành phục vụ giải quyết TTHC; bảo đảm kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Triển khai các giải pháp, mô hình, tiện ích số nhằm đa dạng hóa hình thức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, nhất là tại khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới; đẩy mạnh tiếp nhận, giải quyết TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC cho các cơ quan truyền thông để công bố, công khai trên các phương tiện truyền thông. Nâng cao tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết TTHC trực tuyến; giảm thời gian xử lý, chi phí thực hiện TTHC cho người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh triển khai thanh toán trực tuyến, ký số cá nhân, số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC trong toàn bộ quy trình xử lý công việc.

3. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

a) Tổ chức triển khai thí điểm các mô hình, giải pháp ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong một số lĩnh vực phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; thúc đẩy khai thác dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Đẩy mạnh sử dụng tài khoản định danh điện tử trong thực hiện TTHC, giao dịch điện tử và cung cấp dịch vụ số; ưu tiên triển khai các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, điện lực, du lịch, logistics, thương mại điện tử và các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế cửa khẩu của tỉnh.

c) Nghiên cứu, từng bước triển khai các nền tảng, ứng dụng phục vụ đô thị thông minh, bản đồ số, dữ liệu địa điểm số gắn với dữ liệu dân cư và CSDL chuyên ngành, phục vụ công tác quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

4. Phục vụ phát triển công dân số

a) Tập trung triển khai các giải pháp để công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ trên môi trường số như: lấy ý kiến nhân dân về các dự thảo luật, pháp lệnh, văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải; quản lý khai thác, chia sẻ và giám sát việc khai thác, sử dụng dữ liệu công dân[2].

b) Hoàn thiện việc tích hợp, tạo lập và khai thác các loại giấy tờ điện tử của công dân trong "ví giấy tờ" trên ứng dụng VNeID; từng bước hình thành

[2] Ứng dụng VNeID là nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyển đổi số, phát triển công dân số: (1) Lưu trữ dữ liệu số của công dân; (2) Định danh xác thực điện tử; (3) Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết TTHC; (4) Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; (5) Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp, và người dân với người dân.

kho dữ liệu số của công dân, tổ chức trên môi trường điện tử theo quy định, phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các giao dịch dân sự trên địa bàn tỉnh.

c) Đẩy mạnh phát triển các nền tảng số, cung cấp các tiện ích để thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số; hoàn thiện các công cụ số cho công dân như: tài khoản định danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán… trên địa bàn tỉnh, nhất là tại khu vực cửa khẩu, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

d) Triển khai hiệu quả các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo quy định.

đ) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân; xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng năng lực số phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, người dân khu vực nông thôn, biên giới. Đẩy mạnh triển khai các mô hình "Bình dân học vụ số", tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới hỗ trợ chuyển đổi số tại cơ sở; thúc đẩy phát triển mô hình chợ số, nông thôn số, cửa khẩu số gắn với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu

a) Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống CSDL của tỉnh bảo đảm đồng bộ, liên thông, an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh. Tổ chức kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh với các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành theo quy định; nâng cấp, hoàn thiện, đồng bộ và tăng cường khai thác hiệu quả kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết TTHC và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tập trung ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng trạm phát sóng di động (mạng 5G), hạ tầng viễn thông băng rộng cố định; tập trung xóa các vùng lõm sóng, thôn bản trắng sóng tại các khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa nhằm đảm bảo hạ tầng kết nối thông suốt phục vụ người dân và các lực lượng chức năng.

c) Tập trung hoàn thiện việc kết nối, khai thác hiệu quả dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý nhà nước, cải cách TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp trên nền tảng VNeID. Thực hiện làm sạch, chuẩn hóa, cập nhật, bổ sung dữ liệu chuyên ngành bảo đảm "đúng, đủ, sạch, sống", phục vụ phân tích, dự báo và điều hành của các cấp, các ngành.

d) Nghiên cứu, triển khai các nền tảng số phục vụ xác thực, định danh điện tử, lưu trữ dữ liệu điện tử, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; từng bước ứng dụng các công nghệ mới phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, truy xuất, xác thực thông tin, bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu.

đ) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh và nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP); bảo đảm việc khai thác, sử dụng dữ liệu được thống nhất,

thông suốt, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

6. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

a) Rà soát, hoàn thiện mô hình quản trị thông minh của tỉnh; nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Lạng Sơn bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL chuyên ngành, phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và dữ liệu dân cư.

b) Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống giám sát, đánh giá việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, cải cách TTHC, theo dõi các chỉ số điều hành, phát triển kinh tế số, xã hội số gắn với triển khai Đề án 06; tăng cường phân tích dữ liệu phục vụ đánh giá mức độ phát triển công dân số, dự báo biến động dân số di cư; hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

c) Đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong công tác quản lý, điều hành; nghiên cứu xây dựng các mô hình phân tích, dự báo về dân cư, lao động, di cư, nhu cầu sử dụng dịch vụ công, an sinh xã hội, du lịch, logistics cửa khẩu và các lĩnh vực trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Triển khai nâng cấp, hoàn thiện Bản đồ số dân cư của tỉnh gắn với hệ thống dữ liệu dùng chung; nghiên cứu ứng dụng trợ lý ảo, trí tuệ nhân tạo hỗ trợ cán bộ, công chức trong công tác tham mưu, xử lý công việc, giải quyết TTHC và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

7. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội

a) Đẩy mạnh tích hợp, khai thác và sử dụng hiệu quả tài khoản an sinh xã hội trên nền tảng số gắn với dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; triển khai các hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt, bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

b) Tăng cường ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước và tài khoản định danh điện tử trong công tác quản lý nhà nước về thông tin thuê bao di động; phối hợp triển khai các giải pháp xác thực, làm sạch dữ liệu thuê bao, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

c) Tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với các CSDL chuyên ngành phục vụ phân tích mối quan hệ gia đình, xã hội phục vụ công tác điều tra, xử lý vi phạm, phòng ngừa tội phạm; Phối hợp triển khai theo hướng dẫn của Bộ Công an về tích hợp dữ liệu dân cư với CSDL ADN, căn cước, hồ sơ vụ án; triển khai các giải pháp cảnh báo sớm nguy cơ lừa đảo, rò rỉ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin mạng, góp phần giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

8. Bảo đảm an ninh mạng

a) Rà soát, nâng cấp và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu đối với hệ thống thông tin, CSDL và thiết bị đầu cuối của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; tăng cường giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn thông tin; từng bước hoàn thiện Trung tâm Giám sát an ninh mạng của tỉnh phục vụ giám sát tập trung, phát hiện, cảnh báo, phòng ngừa và xử lý các nguy cơ, sự cố an ninh mạng trên không gian số.

b) Nâng cao năng lực bảo đảm an ninh mạng cho Trung tâm dữ liệu, Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC), Trung tâm Giám sát an ninh mạng và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu dân cư an toàn, bảo mật, thông suốt, hiệu quả phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

c) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có kết nối, khai thác dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin, rò rỉ dữ liệu và các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

9. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và học tập kinh nghiệm

a) Tăng cường hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với đặc thù tỉnh biên giới của Lạng Sơn. Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương giáp biên và doanh nghiệp để kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ logistics, xuất nhập khẩu, vận hành hiệu quả mô hình "Cửa khẩu số", "Cửa khẩu thông minh", thương mại điện tử xuyên biên giới và du lịch qua biên giới.

b) Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm về bảo đảm an toàn dữ liệu, đô thị thông minh và ứng dụng AI, dữ liệu lớn trong quản lý nhà nước, cải cách hành chính và phát triển kinh tế số phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tiễn của tỉnh.

10. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá triển khai

a) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu dân cư giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và an toàn thông tin.

b) Đẩy mạnh thanh tra công vụ, kiểm tra trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và triển khai Đề án 06 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã thông qua hệ thống theo dõi, giám sát và các nền tảng số dùng chung.

d) Tổ chức đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần

mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) nhằm nâng cao chất lượng phục vụ trên địa bàn tỉnh.

(Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tại Phụ lục II kèm theo).

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Công an tỉnh

a) Là cơ quan thường trực tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; chủ trì quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả CSDL quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và tính sẵn sàng của các hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật trong kết nối, tích hợp, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát toàn bộ hạ tầng số và các hệ thống dữ liệu hiện có của tỉnh; đánh giá khả năng thích ứng để xây dựng phương án kết nối, tích hợp hạ tầng dữ liệu tỉnh vào Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm việc khai thác, chia sẻ dữ liệu dân cư và chuyên ngành giữa địa phương với Trung tâm dữ liệu quốc gia luôn thông suốt, an toàn và bảo mật.

d) Chủ trì tham mưu triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu; thường xuyên rà soát, kiểm tra việc quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử theo đúng quy định của pháp luật

đ) Chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc triển khai Đề án 06 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

e) Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Đề án 06 của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; định kỳ tham mưu báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và đề xuất biểu dương, khen thưởng hoặc xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thực hiện chưa bảo đảm tiến độ, yêu cầu đề ra.

2. Văn phòng UBND tỉnh

a) Phối hợp với Công an tỉnh theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai Đề án 06 tại các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Tổ công tác Đề án 06 tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã; đôn đốc việc tái cấu trúc quy trình, cắt giảm thành phần hồ sơ, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; triển khai hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính phạm vi cấp tỉnh gắn với khai thác dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

c) Phối hợp rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh bảo đảm đồng bộ, liên thông với Cổng Dịch vụ công quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL chuyên ngành; thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID trong thực hiện thủ tục hành chính.

d) Phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai Đề án 06; đồng thời nhắc nhở, phê bình các cơ quan, đơn vị chậm triển khai, chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc để xảy ra tồn tại, hạn chế kéo dài.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số liên quan đến dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì tham mưu xây dựng, hoàn thiện Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số hằng năm đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; trong đó chú trọng các tiêu chí về kết nối, chia sẻ dữ liệu, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hiệu quả khai thác dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

c) Phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan rà soát, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về kết nối, chia sẻ dữ liệu để sẵn sàng tích hợp hệ thống thông tin của tỉnh vào hệ sinh thái của Trung tâm dữ liệu quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ về phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.

d) Phối hợp huy động, kết nối các chuyên gia, doanh nghiệp công nghệ, cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong và ngoài tỉnh tham gia tư vấn, hỗ trợ triển khai chuyển đổi số, phát triển dữ liệu số và các nền tảng số phục vụ triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và UBND cấp xã rà soát, chuẩn hóa và triển khai việc gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư 08/2024/TT-BXD và các văn bản hướng dẫn liên quan; bảo đảm địa chỉ số nhà được cập nhật, đồng bộ với CSDL quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý cư trú và giải quyết TTHC.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp xã triển khai định danh địa điểm (công trình công cộng, trụ sở cơ quan, cơ sở kinh doanh, điểm du lịch, bến xe, bãi đỗ xe, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, điểm sinh hoạt cộng đồng...) trên địa bàn tỉnh; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu địa điểm số, bảo đảm kết nối, chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư và các hệ thống thông tin chuyên ngành khác.

c) Chủ trì triển khai ứng dụng giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt tại các bãi đỗ xe, điểm trông giữ phương tiện trên địa bàn tỉnh; kết nối dữ liệu định danh địa điểm với các nền tảng thanh toán số, bảo đảm tiện lợi, minh bạch, an toàn.

d) Tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở, cấp phép xây dựng theo hướng điện tử hóa, khai thác dữ liệu số từ CSDL quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu đất đai, địa điểm, số nhà; cắt giảm thành phần hồ sơ giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án về chuyển đổi số, phát triển dữ liệu và thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng số, Trung tâm dữ liệu và các hệ thống CSDL dùng chung theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, trong đó xem xét, sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ, dự án về xây dựng, phát triển dữ liệu và chuyển đổi số theo kế hoạch.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Công an tỉnh trong việc kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu tài chính (ngân sách, thuế, hải quan, tài sản công…) và các CSDL chuyên ngành tài chính, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực tài chính.

d) Căn cứ các chế độ chính sách, cơ chế tài chính, các văn bản chỉ đạo do Bộ Công an và cơ quan trung ương ban hành, Sở Tài chính phối hợp với Công an tỉnh triển khai cơ chế tài chính phù hợp phục vụ hoạt động khai thác, sử dụng dữ liệu để hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo về dữ liệu.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ thuộc Đề án 06, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục tiêu, tránh thất thoát, lãng phí.

6. Sở Y tế

a) Tổ chức triển khai, hoàn thiện xây dựng CSDL ngành Y tế và các CSDL chuyên ngành theo quy định; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu trong toàn ngành và với các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh, theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và theo lộ trình của Bộ Y tế.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh thực hiện số hóa, chuẩn hóa và liên thông dữ liệu y tế thông qua hệ thống thông tin ngành Y tế của tỉnh; đồng thời tổ chức kết nối, tích hợp với hệ thống định danh và xác thực điện tử theo lộ trình, bảo đảm phục vụ triển khai Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID, bảo đảm thuận tiện cho người dân, giảm TTHC và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tiếp tục triển khai, hoàn thành, nâng cấp và chuẩn hoá CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu đồng bộ trong

hệ thống chính trị theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025, phục vụ quản lý nhà nước và điều hành trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan triển khai tích hợp, xác thực và hiển thị văn bằng, chứng chỉ điện tử trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID, bảo đảm an toàn, chính xác, thuận tiện trong khai thác và sử dụng.

c) Nghiên cứu, tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy ở các cấp học, bậc học; góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho học sinh, xây dựng thế hệ công dân số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh trong giai đoạn mới.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh khu vực 5

a) Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan thúc đẩy kết nối, khai thác và đồng bộ hóa dữ liệu thông tin tín dụng với CSDL quốc gia về dân cư, phục vụ xác thực, đối chiếu, làm sạch dữ liệu khách hàng vay, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tín dụng trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh ứng dụng định danh và xác thực điện tử trong cung cấp dịch vụ ngân hàng; mở rộng các dịch vụ số, thanh toán không dùng tiền mặt, bảo đảm thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp.

c) Tăng cường triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin trong lĩnh vực ngân hàng; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm công nghệ cao, lừa đảo trên không gian mạng; bảo đảm an toàn giao dịch điện tử cho người dân và tổ chức trên địa bàn tỉnh.

9. Toà án nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, triển khai thực hiện Đề án 06 trong hoạt động của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu cải cách tư pháp, chuyển đổi số.

b) Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của Tòa án nhân dân hai cấp, trong đó chú trọng tổ chức số hóa, chuẩn hóa và từng bước kết nối, chia sẻ CSDL về bản án, quyết định và các dữ liệu liên quan với CSDL quốc gia về dân cư theo quy định, phục vụ hiệu quả công tác xét xử, thi hành án và quản lý tư pháp. Thường xuyên theo dõi, cập nhật, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai Đề án 06 trong hoạt động của Tòa án nhân dân để xây dựng báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn.

10. Các sở, ban, ngành

a) Chủ động rà soát, đề xuất bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ Đề án 06 thuộc phạm vi quản lý; ưu tiên nguồn lực cho chuyển đổi số, xây dựng CSDL chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư và các hệ thống dùng chung của tỉnh.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp sử dụng các tiện ích của Đề án 06 và ứng dụng VNeID; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 thuộc phạm vi quản lý; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các tồn tại, vi phạm theo thẩm quyền. Đối với các nội dung liên ngành, thanh tra công vụ và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, thực hiện theo quy định và chỉ đạo của UBND tỉnh, Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh.

d) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, đề xuất và triển khai các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công; tập trung các lĩnh vực có nhiều giao dịch với người dân, doanh nghiệp như y tế, giáo dục, an sinh xã hội, ngân hàng, thuế, đất đai, giao thông, cửa khẩu, logistics và thương mại điện tử xuyên biên giới.

đ) Thường xuyên theo dõi, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC thông qua ứng dụng VNeID và các hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; lấy kết quả triển khai nhiệm vụ, kết quả chấm điểm trên hệ thống theo dõi, giám sát Đề án 06 (dean06.vn) làm một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng tháng đối với cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quá trình tổ chức thực hiện.

11. UBND các xã, phường

a) Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 tại địa bàn quản lý; xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển dữ liệu số và cải cách TTHC.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử, ứng dụng VNeID và các tiện ích số; phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Tổ chức rà soát, cập nhật, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; phối hợp thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công tại địa phương.

d) Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ, thanh toán trực tuyến; hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại các giấy tờ, dữ liệu đã được số hóa hoặc đã có trong CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành.

đ) Phối hợp với lực lượng Công an và các cơ quan liên quan triển khai cấp căn cước, tài khoản định danh điện tử; tuyên truyền, vận động người dân tham gia kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử trong thực hiện TTHC, giao dịch dân sự và sử dụng các tiện ích số phục vụ đời sống.

e) Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Công an tỉnh và cơ quan chuyên môn theo quy định; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để được hướng dẫn, tháo gỡ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành và UBND cấp xã có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị mình, trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp tham mưu UBND tỉnh trong việc thẩm định, cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án 06, bảo đảm kịp thời, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu triển khai trên địa bàn tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh chỉ đạo toàn diện việc triển khai Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

2. Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này.

3. Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả triển khai các nhiệm vụ Đề án 06 về dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử; định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức liên quan căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí; hoàn thành và gửi UBND tỉnh, qua Công an tỉnh, trước ngày 10/6/2026 để theo dõi, tổng hợp.

5. Chế độ thông tin, báo cáo:

a) Định kỳ trước ngày 12 hằng tháng, các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Công an tỉnh để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo theo quy định.

b) Hằng năm, các cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Đề án 06; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; kiểm điểm trách nhiệm đối với đơn vị chậm tiến độ, không hoàn thành nhiệm vụ.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn,

vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh, qua Công an tỉnh, để tổng hợp, xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, NC(LTHT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Cảnh Toàn